

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LT
TỈNH BN**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 51/2019/HS - ST
Ngày: 20-11-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LT, TỈNH BN

- T phiên Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hoan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Quốc

Ông Vũ Văn Vừng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Hà - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT tham gia phiên tòa:

Bà Đoàn Thị Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện LT, Tòa án nhân dân huyện LT mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 52/2019/TLST – HS ngày 01 tháng 11 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 51/2019/QĐXXST – HS ngày 05 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

PHẠM XUÂN T, Sinh năm: 1984

HKTT: Thôn QB, xã QP, huyện LT, tỉnh BN; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): Lớp 5/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Trịnh Đình Nhờ và bà Nguyễn Thị Xuân; Có vợ: Nguyễn Thị Tuyền và 02 con; Tiền án: Tại bản án số: 16/2015/HSST ngày 15/5/2015 của Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh BN xử phạt Phạm Xuân T 30 tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 39 tháng tù và phạt 5.000.000 đồng. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 20/11/2017, chưa chấp hành xong án phí và hình phạt bổ sung, bị cáo chưa được xóa án tích; Tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 2001, bị Công an huyện LT,

tỉnh BN lập hồ sơ đưa đi trường giáo dưỡng; năm 2007 bị Tòa án nhân dân quận Tây Hồ, T phố Hà Nội xử phạt 27 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 23/01/2009, đã được xóa án tích. Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/8/2019 đến nay.

Có mặt tại phiên tòa.

* **Bị hại:** Bà Phạm Thị B, sinh năm 1973

Địa chỉ: Thôn QB, xã QP, huyện LT, tỉnh BN

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Xuân T là đối tượng nghiện ma túy. Khoảng 16 giờ ngày 01/8/2019, T trèo qua tường vào nhà bà Phạm Thị B ở cùng thôn mục đích để vật trộm mít. Khi vào trong, T thấy ở khu vực sản xuất nhựa có một số khuôn bằng gang dùng để đúc nhựa nên T đã nảy sinh ý định trộm cắp. T lấy một chiếc áo lao động cũ treo ở xưởng bọc một chiếc khuôn gang bê ra ngoài, chuyển qua tường rồi mang về cất giấu ở bếp của gia đình. Đến 8 giờ ngày 02/8/2019, T gọi điện cho Nguyễn Mạnh Tùng, sinh năm 1976 là hàng xóm nhà T nhờ Tùng chở lên Bưởi bán ít sắt vụn. Đến khoảng 11 giờ, Tùng đi làm về, Thấy tùng đến, T liền vào trong bếp xách ra một chiếc xô (loại xô đựng sơn) bên trong có chiếc khuôn được bọc ngoài bằng chiếc áo mà T đã chuẩn bị từ trước. Tùng điều khiển xe máy BKS 99K1-061.94 chở T ngồi sau ôm xô sơn bên trong đựng chiếc khuôn đúc vừa trộm cắp được đến Ngõ Ngoài, xã Đại Bái, huyện Gia Bình, tỉnh BN, trên đường đi Tùng và T không trao đổi gì với nhau cả. Khi đi đến cửa hàng thu mua phế liệu của chị Nguyễn Thị Phụng, sinh năm 1982 ở thôn Ngọc Xuyên, xã Đại Bái, huyện Gia Bình, T bảo Tùng chờ ở ngoài, còn T đi một mình vào và nói với chị Phụng “cân cho em ít sắt”, chị Phụng đồng ý, T bỏ áo ra và đặt khuôn lên cân được 18 kg. Phụng mua với giá 6.000 đồng/1kg, thanh toán cho T 108.000 đồng. T nhận tiền ra cửa lấy xô sơn và bảo Tùng đưa về. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày Tùng đi làm về đến cổng đình thôn QB thì gặp T ngồi chơi ở đó. T hỏi Tùng “Có làm tí không”

(tức là rủ Tùng đi mua ma túy về sử dụng). Tùng đồng ý và đưa T đến cầu Bíp thuộc địa phận xã Quỳnh Phú, huyện Gia Bình, tỉnh BN để T mua ma túy của một người đàn ông không quen biết, cả hai cùng sử dụng tại cánh đồng và đi về nhà.

Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, T tiếp tục đột nhập vào xưởng nhà bà B trộm cắp hai chiếc khuôn đúc bằng gang, T lấy một chiếc áo lao động cũ ở xưởng để bọc một chiếc khuôn, rồi lần lượt bê cả hai chiếc qua tường nhà bà B và mang về cất giấu ở bếp.

Khoảng 11 giờ ngày 03/8/2019, T ngồi chơi ở cổng đình thôn QB thì gặp Tùng đi làm về. T bảo Tùng “Anh chở em lên Bưởi bán ít sắt vụn”, Tùng đồng ý và chở T về nhà để lấy khuôn đi bán. T đi vào bếp bê ra một chiếc khuôn được bọc ngoài bằng một chiếc áo lao động cũ và túi nilon ở ngoài, rồi đặt chiếc khuôn lên bụng xe máy. Tùng điều khiển xe đưa T đến cửa hàng của chị Phượng và đứng đợi ở ngoài. T bê chiếc khuôn được bọc áo và đi vào bên trong cửa hàng và nói với Phượng “chị Phượng ơi, em bán cho ít sắt”. Phượng đồng ý, bảo T bỏ túi nilon ra và đặt chiếc khuôn lên cân cân được 27kg. Phượng trả cho T 160.000 đồng. T nhận tiền và ra xe để Tùng chở về nhà. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, T lấy xe đạp của mẹ để là bà Nguyễn Thị Xuân, chở một chiếc khuôn có khối lượng 30kg mang đến bán cho chị Phượng, được chị Phượng trả 180.000 đồng. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, T ngồi chơi ở cổng đình thôn QB thì gặp Tùng đi làm về và tiếp tục rủ Tùng đi mua ma túy ở Quỳnh Phú, Gia Bình để cùng nhau sử dụng.

Sau khi gia đình bà B phát hiện bị kẻ gian trộm cắp ba chiếc khuôn đúc nhựa, bà B nhận định T là kẻ trộm cắp tài sản. Đến khoảng 19 giờ ngày 03/8/2019, anh Nguyễn Trọng Toàn là con trai bà B đến gặp T và hỏi “Anh có lấy khuôn nhà em thì chuộc cho em”. T thừa nhận hành vi trộm cắp khuôn đúc của gia đình bà B và mượn điện thoại của Toàn để gọi cho chị Phượng để chuộc lại khuôn nhưng chị Phượng nói không có ở cửa hàng và hẹn sáng hôm sau sẽ cho chuộc lại. Đến khoảng 8 giờ ngày 04/8/2019, bà B đưa cho anh Toàn 400.000 đồng để chở T đến cửa hàng thu mua phế liệu của chị Phượng chuộc lại khuôn nhưng chị Phượng chưa có ở cửa hàng, T nói với anh Toàn đưa tiền cho T để T đi chuộc nhưng chị Phượng vẫn chưa đến mở cửa hàng. Khoảng 10 phút sau T quay lại thì anh Toàn nói “Anh không chuộc lại được khuôn thì mẹ em báo công an”, ngay lúc đó bà B

cũng đi đến, khi nhìn thấy bà B T sợ nên đã nhảy xuống xe và bỏ chạy. Số tiền 400.000 đồng T đã đánh rơi mất ở cánh đồng thôn Ngọc Xuyên, xã Đại Bái. Cùng ngày, anh Toàn đã gặp chị Phượng và chuộc lại 02 chiếc khuôn đúc với giá 450.000 đồng. Ngày 22/8/2019, T đã đến Công an huyện LT đầu thú và khai nhận về hành vi trộm cắp tài sản như trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 251A ngày 23/8/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện LT kết luận: 03 (ba) khuôn đúc bằng gang, hình trụ đứng, hai đầu khuôn là hai tấm gang hình vuông hoặc hình chữ nhật, sản xuất năm 2017, đã qua sử dụng có tổng trọng lượng 75kg dùng để sản xuất chốt nhựa, gioăng nhựa có giá trị 120.000 đồng/1 kg, T tiền là 9.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 52/CT- VKS –LT ngày 01 tháng 11 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện LT đã truy tố Phạm Xuân T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo T khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT giữ quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích hành vi phạm tội của bị cáo, căn cứ vào nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Phạm Xuân T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”; Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Phạm Xuân T từ 15 đến 18 tháng tù. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội : Buộc bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Bị cáo nhất trí với bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, không tranh luận gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát không tranh luận gì thêm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Xuân T đã T khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp với lời khai của người bị hại, vật chứng đã thu giữ, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã có đủ cơ sở xác định: Vào ngày 01 và 02/8/2019, Phạm Xuân T đã có hành vi lén lút vào khu vực xưởng làm nhựa của gia đình bà Phạm Thị B ở cùng thôn để trộm cắp 03 chiếc khuôn làm nhựa bằng gang, có giá trị T tiền là 9.000.000 đồng. Sau khi trộm cắp được T đã bán cho chị Nguyễn Thị Phụng với giá 448.000 đồng. Số tiền trên T đã mua ma túy để sử dụng hết. Do đó đã đủ cơ sở kết luận bị cáo Phạm Xuân T phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị truy tố, xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Chỉ vì mục đích thỏa mãn cơn nghiện ma túy mà bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của chính hàng xóm, láng giềng nhà mình để lấy tiền mua ma túy. Xét thấy, cần phải xử lý nghiêm bị cáo bằng luật hình sự, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới giúp bị cáo có thời gian cai nghiện ma túy, trở T công dân có ích cho xã hội.

Xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo là người có nhân thân xấu, từng bị đưa đi trường giáo dưỡng, hai lần bị Tòa án xét xử về hành vi tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy và trộm cắp tài sản. Bị cáo tiếp tục phạm tội mới khi chưa được xóa án tích; trong vụ án này bị cáo 02 lần trộm cắp tài sản, giá trị mỗi lần trên 2.000.000 đồng nên hành vi của bị cáo thuộc trường hợp “phạm tội 02 lần trở lên”. Do vậy, bị cáo phải chịu hai tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật

hình sự. Chứng tỏ bị cáo là kẻ coi thường pháp luật, không có ý thức ăn năn hối cải.

Tuy nhiên, sau khi sự việc bị phát hiện, T đã tự nguyện đến cơ quan Công an huyện LT đầu thú về hành vi phạm tội của mình, trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo tỏ ra ăn năn hối hận về hành vi do mình gây ra, đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự nên khi lượng hình Hội đồng xét xử cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính, lẽ ra phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, xét thấy bị cáo bị nghiện ma túy, trước khi bị bắt bị cáo sống lang thang không có thu nhập nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

Về vật chứng của vụ án: Quá trình điều tra bà Phạm Thị B đã tự nguyện giao nộp 02 chiếc khuôn đã chuộc lại của chị Phụng để làm căn cứ định giá tài sản, sau khi định giá cơ quan điều tra đã trả lại 02 chiếc khuôn cho gia đình bà B. Đối với chiếc khuôn thứ 3, có khối lượng 30 kg cơ quan điều tra không thu hồi được. Ngoài ra, cơ quan điều tra còn thu giữ 01 chiếc xe máy Honda Wave RSX BKS: 99K1 – 061.94 là xe mà Tùng dùng để chở T đi tiêu thụ tài sản trộm cắp. Tuy nhiên quá trình điều tra xác định chiếc xe trên thuộc quyền sở hữu của ông Vũ Hữu Hồ là bố vợ Tùng nên cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe trên cho ông Hồ.

Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa, bị hại là Bà Phạm Thị B vắng mặt nhưng tại đơn xin xét xử vắng mặt bà xác định đã nhận lại 02 chiếc khuôn. Đối với chiếc khuôn thứ 3 không thu hồi được, số tiền 400.000 đồng đã đưa cho T cũng như số tiền 450.000 đồng đã dùng vào việc chuộc lại tài sản bà không yêu cầu bị cáo phải bồi thường nên Hội đồng xét xử cần ghi nhận sự tự nguyện không yêu cầu bồi thường của bị hại.

Đối với Nguyễn Thị Phụng là người đã mua 02 khuôn làm nhựa của T. Do chị Phụng không biết tài sản trên do T trộm cắp mà có và chị Phụng không thừa nhận đã mua chiếc khuôn còn lại của T, cũng không có căn cứ chứng minh T đã bán cả ba chiếc khuôn trên cho chị Phụng nên không có căn cứ để xem xét, xử lý đối với chị Phụng là phù hợp.

Đối với Nguyễn Mạnh Tùng là người chở T đi bán 02 chiếc khuôn gang. Quá trình điều tra xác định Tùng không biết tài sản trên do T trộm cắp được mà có, khi T nhờ Tùng chở đi bán khuôn, T và Tùng không bàn bạc gì, Tùng chỉ biết là T nhờ chở đi bán sắt vụn, Tùng cũng không tham gia vào việc mua bán giữa T và Phụng nên không có cơ sở để xem xét, xử lý đối với Tùng là phù hợp.

Đối với các T viên trong gia đình T, quá trình điều tra xác định họ không biết việc T trộm cắp 03 chiếc khuôn của gia đình bà B cất giấu tại bếp nhà mình, không biết việc T sử dụng chiếc xe đạp của gia đình để đi tiêu thụ tài sản nên không có cơ sở để xem xét, xử lý.

Đối với hành vi mua bán, sử dụng trái phép chất ma túy của T và Tùng, theo T và Tùng khai hành vi trên xảy ra trên địa bàn xã Quỳnh Phú, huyện Gia Bình, tỉnh BN nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện LT đã chuyển hồ sơ đến Công an huyện Gia Bình, tỉnh BN để điều tra theo thẩm quyền.

Về án phí và quyền kháng cáo: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Xuân T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt Phạm Xuân T 15 (mười năm) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 22/8/2019.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tạm giam bị cáo 45 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Ghi nhận bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy ban thường vụ Quốc hội : Buộc bị cáo Phạm Xuân T phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện LT;
- VKSND tỉnh BN;
- THA huyện LT (khi án có hiệu lực);
- TAND tỉnh BN (Phòng GĐKT);
- Bị cáo, bị hại;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú;
- Lưu hồ sơ án văn.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hoan